

## FLYERS PRACTICE 12

### I. Fill in the blank

~~happened~~ → fridge cooker oven  
slowly supermarket upstairs wood  
biscuits spoon speak flour  
believe mixed empty disappeared

I want to tell you what (0) **happened** yesterday! I made some (1) \_\_\_\_\_ for the family. In the morning I went to the (2) \_\_\_\_\_ with my mum and we bought butter, eggs, sugar, (3) \_\_\_\_\_ and strawberry jam. When I got home, I turned the (4) \_\_\_\_\_ on so it got hot and I got a big bowl from the shelf in the kitchen.

Next I (5) \_\_\_\_\_ the sugar and the soft butter together with a large (6) \_\_\_\_\_. It wasn't a metal spoon. It was made of (7) \_\_\_\_\_. I added the eggs very (8) \_\_\_\_\_ and after that I mixed in the flour. I left the biscuit mix in the (9) \_\_\_\_\_ for half an hour.

Then I cut the biscuits into star shapes and cooked them in the (10)\_\_\_\_\_ for about fifteen minutes. I put them on a plate near the cooker to go cold.

I went (11)\_\_\_\_\_ to get my diary and write about my biscuits. When I went back into the kitchen the plate was (12)

\_\_\_\_\_. All those biscuits

(13)\_\_\_\_\_! Can you (14)\_\_\_\_\_

that? I didn't have any. I didn't

(15)\_\_\_\_\_ to anyone all evening!

## II. Write

### III. Translate ( using be going to)

1. Mẹ của tôi **định mua** 1 ít táo vào ngày mai.

→ \_\_\_\_\_

2. Tôi **định đi bơi** cùng với bạn của tôi vào tuần tới.

→ \_\_\_\_\_



3. Những người bạn của tôi **định có** 1 bữa tiệc vào tối nay.

→ \_\_\_\_\_

4. Ba của tôi **không định mua** 1 căn nhà năm này.

→ \_\_\_\_\_

5. Tôi **không định đi du lịch** với gia đình của mình vào mùa hè này.

→ \_\_\_\_\_

6. Họ **không định xem phim** ở rạp chiếu phim vào ngày mai

→ \_\_\_\_\_

#### IV. Answer these questions



1. *What are you going to wear for the party tonight?*

→ \_\_\_\_\_

	<p>2. <i>What are you going to do tomorrow?</i></p> <p>→ _____</p>
	<p>3. <i>Where are you going to travel next year?</i></p> <p>→ _____</p>
	<p>4. <i>Why are you going to stay at home tonight?</i></p> <p>→ _____</p>

**V. Choose “be going to” or “will”**

1. Diễn tả 1 lời hứa \_\_\_\_\_
2. Diễn tả 1 việc đã lên kế hoạch, có sự chuẩn bị \_\_\_\_\_
3. Diễn tả 1 quyết định ngay lúc nói \_\_\_\_\_

4. Diễn tả 1 lời dự đoán không có cơ sở\_\_\_\_\_

5. Diễn tả 1 suy luận hợp logic\_\_\_\_\_

**VI. Write is going to/ am going to/ are going to/ will**


1. I bought 2 tickets. I \_\_\_\_\_ watch a movie at the cinema with my friends tonight.
2. A: Can you help me? It's very heavy.  
B: OK! I \_\_\_\_\_ help you.
3. I guess I \_\_\_\_\_ come home late tonight.
4. Look at the dark clouds. It \_\_\_\_\_ rain.
5. I am sorry, I promise I \_\_\_\_\_ get up early tomorrow.

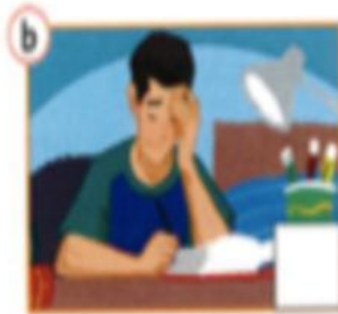
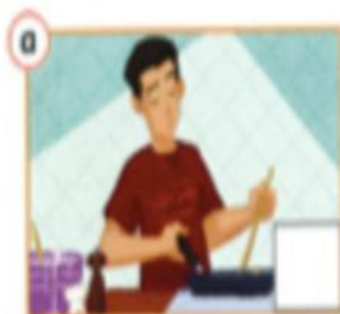
6. He doesn't go to school on Sunday, so he \_\_\_\_\_ visit his grandma this weekend.
7. They are wearing sneakers, they \_\_\_\_\_ play basketball.
8. I think my dad \_\_\_\_\_ go home at 10pm.
9. A: I don't have a pen.  
B: I \_\_\_\_\_ give you my pen.
10. Do you want to go out with me tonight?  
B: I am sorry, I can't because I \_\_\_\_\_ do my homework.

## VII. Listen





1 What's William going to do tomorrow? Listen and number five of the pictures. 



-----THE END-----